

MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ TRỊ VỚI PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA NHÂN CÁCH

PGS.TS. ĐÀO THỊ OANH

Viện Nghiên cứu Sư phạm - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Con người tồn tại và phát triển trong mối quan hệ qua lại với thế giới tự nhiên và xã hội, trong đó đặc biệt là mối quan hệ giữa người với người. Toàn bộ sự tồn tại của loài người bao gồm các giá trị vật chất và giá trị tinh thần, là các giá trị đảm bảo sự tồn tại của cá nhân mỗi người cũng như của cả cộng đồng xã hội. Các giá trị vật chất nằm trong sự vật, hàng hóa. Các giá trị tinh thần nói lên ý nghĩa của sự vật, của hàng hóa đối với từng cá nhân hay nhóm người. Giá trị tinh thần là những giá trị mang tính chủ quan - những giá trị tâm lí do con người tạo ra. Đây là nhóm giá trị nội tại, được quan tâm nghiên cứu xuất phát từ phương pháp tiếp cận giá trị - nhân cách trong giáo dục giá trị cho học sinh. Các giá trị vật chất và giá trị tinh thần do con người tạo ra thông qua con đường giáo dục và tự giáo dục quay trở lại tạo ra ở con người giá trị nhân cách, làm nên sức mạnh ở cá nhân và của nhóm. Từ đó lại tiếp tục tạo ra các giá trị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội [1].

Nghiên cứu giá trị quan trọng đối với việc giáo dục giá trị bởi trước đây đã từng có quan niệm cho rằng, một khi đã hình thành thì giá trị không thay đổi và nó quyết định nhân sinh quan, thế giới quan con người. Ngày nay, quan niệm giá trị có thể thay đổi đã được khẳng định qua những công trình nghiên cứu về quá trình vận động xã hội từ hiện đại sang hậu hiện đại, theo đó, đồng thời diễn ra sự biến đổi các giá trị. Đây là điều được các nhà giáo dục quan tâm đặc biệt vì *giáo dục giá trị* cho thế hệ trẻ là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu mối quan hệ giữa giá trị với phẩm chất và năng lực của nhân cách. Việc nghiên cứu giá trị nhân cách và mối quan hệ giữa giá trị nhân cách với phẩm chất năng lực là hết sức cần thiết để quá trình giáo dục giá trị cho học sinh đạt hiệu quả mong muốn. ***Bài viết này là kết quả nghiên cứu của đề tài: "Tiếp cận giá trị và kĩ năng sống trong xây dựng chương trình hoạt động giáo dục cho học sinh phổ thông trong đổi mới giáo dục sau 2015"; mã số VI2.1-2013.25 với sự tài trợ kinh phí của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia.***

2. Khái niệm giá trị

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với khái niệm giá trị, từ đó có nhiều cách hiểu khác nhau về giá trị. Từ góc độ Giá trị học và Tâm lí học, *giá trị được hiểu là niềm tin về cái có ích, cái quan trọng, cái có ý nghĩa đối với tập thể, xã hội và cá nhân, phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể được đánh giá, xuất phát từ những điều kiện lịch sử - xã hội thực tế và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá, lựa chọn, giá trị trở thành động lực thúc đẩy cá nhân hành động để đạt được những mục tiêu đặt ra trong cuộc sống.*

Phân tích cách hiểu trên đây về giá trị cho phép rút ra một số gợi ý vận dụng vào thực tiễn giáo dục giá trị cho học sinh như sau:

- Bất kì cái gì (vật chất hay tinh thần) được cá nhân đánh giá là quan trọng, có ích, có lợi, cần thiết cho sự tồn

tại và phát triển của mình đều trở nên có giá trị. Bản chất của giá trị mang tính chủ quan nhưng có nguồn gốc từ thế giới khách quan nên giá trị ở con người mang tính khách quan. Vì thế, chúng được chủ thể lựa chọn làm mục tiêu và trở thành động lực thúc đẩy hoạt động cá nhân nhằm chiếm lĩnh mục tiêu đó.

- Sự đánh giá dựa trên các tiêu chí có ích, có lợi, quan trọng và cần thiết không thuần túy mang tính cá nhân mà phải phù hợp với chuẩn mực xã hội. Vì thế, giá trị không nhất thành bất biến mà vận động phát triển. Điều này giải thích vì sao có những cái trước đây được xã hội coi là có giá trị thì ngày nay lại bị coi là vô giá trị và ngược lại. Trong quá trình phát triển, con người luôn tự nhìn lại mình để tự phê phán các giá trị không còn phù hợp dưới dạng bộc lộ hoặc tiềm ẩn vì hệ giá trị và các chuẩn mực luôn phát triển, mang tính lịch sử. Những giá trị chuẩn mực cơ bản sẽ không thay đổi theo tình huống ("Đói cho sạch, rách cho thơm"; không được phép giết người; không được phép phân biệt đối xử; không được phân biệt đối xử dựa trên giới tính). Giá trị chuẩn mực gắn với tính mục đích, động cơ, nhu cầu chung của loài người. Chi tiết này có ý nghĩa đối với việc tổ chức giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường.

- Khi một cái gì đó được cá nhân đánh giá là có ích, có lợi, có ý nghĩa, cần thiết cho sự phát triển của mình thì sẽ xuất hiện ở chủ thể nhu cầu về nó. Khi đó, giá trị trở thành đối tượng của nhu cầu ở chủ thể. Do đó, trong tâm lí học, khái niệm giá trị và khái niệm nhu cầu rất gần gũi, liên quan mật thiết với nhau đến mức có thể nói rằng, nếu không có nhu cầu của con người thì không có bất cứ cái gì tồn tại trong môi trường có thể trở nên có giá trị. Điều này cho thấy, trong hoạt động thực tiễn của chủ thể, nhu cầu, giá trị và động cơ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Có một số loại hình giá trị khác nhau, trong đó các "giá trị hiện hữu" (hay "giá trị bộc lộ") và "thái độ giá trị" (đang tồn tại trong não được phát biểu ra bằng phán đoán) là những giá trị được nghiên cứu nhiều [1].

3. Mối quan hệ giữa giá trị với nhân cách

Khái niệm giá trị đang được nói tới ở đây gắn với nhân cách - giá trị nhân cách, tức là các giá trị tâm lí, giá trị nội tại do con người tự tạo ra cho mình trong quá trình phát triển của bản thân. Để làm rõ mối quan hệ giữa khái niệm giá trị và khái niệm năng lực, cần phân tích cách hiểu về khái niệm nhân cách trong tâm lí học, đang được vận dụng vào công tác giáo dục hiện nay ở Việt Nam.

Theo phương pháp tiếp cận giá trị - nhân cách, "Giá trị", "Phẩm chất", "Năng lực" có liên quan với một thuật ngữ bao trùm hơn, đó là thuật ngữ "**Nhân cách**". Có thể tìm thấy câu trả lời cho *bản chất* của nhân cách trong luận điểm bác xít cho rằng *nhân cách là một phẩm chất đặc biệt mà cá thể tự nhiên thu được trong hệ thống các quan hệ xã hội. Trong cấu trúc nhân cách thì mặt xu hướng là mặt cơ bản nhất, là giá trị xã hội và giá trị đạo*



đức của nhân cách một người. Trong thực tiễn, thái độ và hành vi của mỗi người được xã hội nhìn nhận, đánh giá. Vì vậy, nhân cách của mỗi cá nhân bao hàm giá trị xã hội và giá trị đạo đức. Giải thích một cách khái quát các ý trên, có thể hiểu về nhân cách như là *một cấu trúc bao gồm những thuộc tính và những đặc điểm tâm lí ổn định tạo nên bản sắc của cá nhân, được hình thành từ các mối quan hệ xã hội. Nhân cách là chủ thể của hành vi và hoạt động có ý thức, qua đó thể hiện giá trị xã hội của mỗi người.*

Các bộ phận bên trong cấu trúc nhân cách được sắp xếp thành hai mặt thống nhất với nhau là “Đức” và “Tài” hay còn được gọi là “Phẩm chất” (đạo đức-chính trị, cá nhân, ý chí, cung cách ứng xử) và “Năng lực” (xã hội hóa, chủ thể hóa, hành động, giao tiếp). Cấu trúc tâm lí của nhân cách rất phức tạp, nhiều mặt và cơ động, các thành phần của nhân cách đều liên hệ qua lại, chế ước lẫn nhau. Cùng với sự phát triển của nhân cách thì trong cấu trúc của nó cũng có những biến đổi, song lại tương đối ổn định bởi chứa đựng những thuộc tính điển hình cho mỗi cá nhân, đặc trưng cho cá nhân đó như là một con người mà ta có thể chờ đợi ở người đó những hành vi xã hội hoàn toàn xác định trong những tình huống nhất định. Như vậy, giá trị là cái tạo nên nhân cách của một người, được thể hiện thông qua hệ thống phẩm chất và năng lực của mình. Giá trị đồng thời cũng là sản phẩm của sự phát triển nhân cách thông qua quá trình xã hội hóa cá nhân, thể hiện ở hoạt động thực tiễn của cá nhân. Khi được hình thành, giá trị không tồn tại một cách trừu tượng mà nó luôn thể hiện ra dưới dạng năng lực hành động, nó là động lực thúc đẩy cá nhân hành động để tạo ra các giá trị xã hội, trong đó thể hiện giá trị cá nhân của người đó. Cũng theo nghĩa này, ngày nay, khi nói đến năng lực, người ta thường hướng vào khía cạnh hành động của năng lực, tức là *khả năng thực hiện có kết quả một hoạt động thực tiễn của cá nhân*, với các đặc trưng sau:

- Được bộc lộ trong bối cảnh hoạt động thực chứ không phải bối cảnh mô phỏng;
- Là một phổ liên tục từ đơn giản đến phức tạp;
- Được xây dựng trên một tập hợp các nguồn lực, như: nguồn lực cá nhân (kiến thức, kĩ năng, thái độ), nguồn lực bên ngoài (tư liệu, phương tiện, nhân lực...);
- Liên quan đến khả năng huy động các nguồn lực trong bối cảnh hoạt động thực tế;
- Là sự thực hành có chủ đích;
- Biết hành động hiệu quả, hiệu nghiệm, tức thì và được biểu thị thường xuyên;
- Là sự theo đuổi không có điểm kết thúc [2].

4. Mối quan hệ giữa giá trị với phẩm chất và với năng lực của cá nhân

4.1. Thông qua việc xem xét bản chất mang tính mục đích của giá trị

Bản chất của giá trị là sự tồn tại có mục đích, cho nên các giá trị đều xuất phát từ việc soát xét mục đích, thực hiện mục đích, gắn liền với các chuẩn mực do mục đích đề ra. Một người trưởng thành trong một nhóm xã hội vào bất kì thời điểm cụ thể nào cũng đều có những mục đích nào đó được chuẩn mực hóa bởi tập tục, đến mức chúng được coi là luôn luôn đúng mà không có sự xem xét. Khi đó, vấn đề duy nhất nảy sinh là có liên quan đến phương tiện tốt nhất để đạt được những mục đích ấy. Chẳng hạn, trong khi ở một nhóm mục đích là kiếm tiền thì ở một nhóm khác là sự nắm giữ quyền lực chính trị; ở nhóm khác lại là sự tiến bộ của tri thức khoa

học; còn ở một nhóm khác nữa là sự can đảm của người lính... Trong mọi trường hợp, để đi đến các giá trị mục đích đó thì đều phải dựa vào các giá trị phương tiện mà chúng có thể là các phẩm chất đạo đức hay các năng lực như: “Dũng cảm”; “Thông minh”; “Sáng tạo”; “Độc lập”; “Trách nhiệm”... [2], [3].

4.2. Thông qua cơ chế hình thành giá trị

Giá trị tồn tại khách quan là cái có sẵn trong các vật thể, các sản phẩm thiên nhiên dành cho con người, hoặc do chính con người tạo ra để phục vụ cho bản thân, vì thế con người được coi là “giá trị cao nhất”, là “giá trị của mọi giá trị”. Điều này có nghĩa là trí tuệ là một trong những nguồn lực tạo ra giá trị hay nguồn gốc của giá trị. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể xảy ra khi trí tuệ hay tâm lí, tinh thần nói chung của con người đã phát triển đạt tới một trình độ xác định, đủ để xuất hiện với tư cách là một chủ thể trong mối quan hệ với chính bản thân, với những người xung quanh. Khi đó, cá nhân có khả năng đánh giá, nhận xét, thừa nhận cái gì là có ích, có ý nghĩa trong việc giúp cá nhân đạt được mục đích hoạt động. Về cơ chế, hệ giá trị nhân cách của mỗi người chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua quá trình cá nhân tự hoạt động và giao tiếp theo các chuẩn mực xã hội, tự trải nghiệm thực tiễn với sự giúp đỡ của nhà trường, gia đình và xã hội [1].

4.3. Thông qua việc phân tích cấu trúc tâm lí của giá trị

Cấu trúc tâm lí của giá trị bao gồm các thành tố: *Nhận thức* của cá nhân về giá trị; *Lựa chọn, đánh giá* của cá nhân đối với giá trị; *Thực hành* thể hiện/hướng tới giá trị.

Cấu trúc này cho thấy rõ năng lực và phẩm chất nằm trong chính giá trị với tư cách là các thành phần không thể tách rời của giá trị. Cấu trúc này đồng thời cũng thể hiện các *trình độ phát triển* từ thấp đến cao của năng lực và phẩm chất giá trị nhân cách, là: Trình độ “Nhận biết các giá trị”; Trình độ “Phân biệt giá trị” (trình độ đạo đức có suy nghĩ); Trình độ “Thể hiện giá trị” (trình độ thực hành).

Nếu hiểu năng lực là sự thực hành có chủ đích, là sự theo đuổi không có điểm kết thúc, là hành động một cách hiệu quả, tức thì, thường xuyên thì trong trường hợp này có thể hoàn toàn khẳng định mối quan hệ không thể tách rời giữa năng lực và giá trị trong giá trị nhân cách.

4.4. Thông qua việc xem xét các tiêu chí đánh giá giá trị

Giá trị không chỉ tồn tại ở hệ thống quan niệm, niềm tin thuần túy, mà còn được thể hiện ra một cách cụ thể ở hệ thống hành động thực hiện và hành động ý chí. Đó là quá trình cá nhân thực hiện hoạt động tạo ra giá trị theo định hướng giá trị và thước đo giá trị nhất định, phát hiện ra giá trị của bản thân, tạo nên động cơ hoạt động. Điều này được thể hiện thông qua các *phạm trù đo đạc* giá trị, gồm: Năng lực xác định vấn đề nên làm, phải làm, và biết dự báo kết quả; Năng lực ra quyết định cần làm gì, ai làm việc đó và cách làm tốt nhất; Năng lực lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động; Năng lực tập trung năng lượng vào thực hiện đến cùng nhiệm vụ; Năng lực hợp tác với người khác.

Ở trình độ phát triển cao của giá trị, cá nhân phải thể hiện được giá trị bản thân vào cuộc sống, tức là năng lực thực thi có kết quả các hành vi đạo đức, hành động

(Xem tiếp trang 57)